

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 71/2023/HS-ST
Ngày 29-9-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Viên Thị Minh

2. Bà Nguyễn Hồng Anh

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số /2023/QĐ-HPT ngày 26 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Đỗ Văn D - Sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn 2, xã TTTr, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Văn Ng (đã mất), con bà Trương Thị N; vợ con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 20/8/2015 bị TAND huyện Quảng Xương xử phạt 04 tháng 13 ngày tù giam về tội “Đánh bạc” và trả tự do tại phiên tòa; phạt bổ 4.000.000đ. Bị cáo chưa nộp tiền phạt bổ sung 4.000.000đ.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 11/8/2017, bị TAND huyện Quảng Xương xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/01/2019, nộp án phí sơ thẩm ngày 24/9/2020.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn KK, xã Quảng K, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)
2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn 4, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)
3. Lê Trọng T, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn TT, xã Quảng B, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)
4. Trần Đình T2, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn TT, xã Quảng B, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023, Đỗ Văn D sử dụng tiền của cá nhân cho một số người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương vay với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm. Khi khách có nhu cầu vay tiền, D trực tiếp thỏa thuận đưa ra hình thức vay, mức lãi suất và không yêu cầu khách vay phải cầm cố, thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Khách đồng ý vay tiền, D sẽ đưa tiền cho khách, đồng thời cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên và thỏa thuận khách vay phải trả tiền lãi hàng tháng cho D cho đến khi trả xong hết nợ tiền gốc. Từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023, D đã cho 04 khách vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Ngày 10/11/2022, D cho anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1972, ở thôn KK, xã Quảng K, huyện Quảng Xương) vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không ấn định thời hạn trả tiền gốc; hàng tháng anh Q phải trả cho D số tiền lãi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ tháng, tương đương với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày và 182,5%/1 năm. Khi đưa tiền, D cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và đưa cho anh Q số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Kể từ ngày vay đến ngày 13/6/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh Q đã vay số tiền trên trong thời gian 07 tháng 03 ngày, tương ứng với số tiền lãi D sẽ thu được theo thỏa thuận là 21.300.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 2.334.247đ (Hai triệu ba trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng); số tiền D nhằm thu lời bất chính là

18.965.753đ (Mười tám triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng). Thực tế D mới thu được của anh Q 05 tháng lãi với số tiền là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 20.000.000đ trong vòng 05 tháng là 1.643.836đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng); số tiền lãi D đã thu vượt quá quy định của BLDS là 13.356.1640 (Mười ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng). Hiện tại anh Q còn nợ D 6.300.00đ tiền lãi và 20.000.000đ tiền gốc.

2. Ngày 11/11/2022, D cho anh Nguyễn Văn S (sinh năm 1999, ở thôn 4, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương) vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), không ấn định thời hạn trả tiền gốc; hàng tháng anh S phải trả cho D số tiền lãi là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, tương đương với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày và 182,5%/1 năm. Khi đưa tiền, D cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và đưa cho anh S số tiền là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày vay đến ngày 13/6/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh S đã vay số tiền trên trong thời gian 07 tháng 02 ngày, tương ứng với số tiền lãi D sẽ thu được theo thỏa thuận là 10.600.000đ (Mười triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 1.161.644đ (Một triệu một trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); số tiền D nhằm thu lời bất chính là 9.438.356đ (Chín triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng). Thực tế D mới thu được của anh S 04 tháng lãi với số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 10.000.000đ trong vòng 04 tháng là 657.534đ (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng); số tiền lãi D đã thu vượt quá quy định của BLDS là 5.342.466đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) Hiện tại anh S còn nợ D 4.600.00đ tiền lãi và 10.000.000đ tiền gốc.

3. Ngày 14/01/2023, D cho anh Lê Trọng T (sinh năm 2001, ở thôn TT, xã Quảng B, huyện Quảng Xương) vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), không ấn định thời hạn trả tiền gốc; hàng tháng anh T phải trả cho D số tiền lãi là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng, tương đương với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày và 182,5%/1 năm. Khi đưa tiền, D cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và đưa cho anh T số tiền là 12.750.000đ (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Kể từ ngày vay đến ngày 13/6/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm), anh T đã vay số tiền trên trong thời gian 05 tháng, tương ứng với số tiền

lãi D sẽ thu được theo thỏa thuận là 11.250.000đ (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 1.232.877đ (Một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng); số tiền D nhằm thu lời bất chính là 10.017.123đ (Mười triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng). Thực tế D mới thu được của anh T 03 tháng lãi với số tiền là 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 15.000.000đ trong vòng 03 tháng là 739.726đ (Bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng); số tiền lãi D đã thu vượt quá quy định của BLDS là 6.010.274đ (Sáu triệu không trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng). Hiện tại anh T còn nợ D 4.500.000đ tiền lãi và 15.000.000đ tiền gốc (BL số 27- 31; 70- 72, 73- 75, 78- 81).

4. Ngày 01/02/2023, D cho anh Trần Đình T2 (sinh năm 2001, ở thôn TT, xã Quảng B, huyện Quảng Xương) vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không ấn định thời hạn trả tiền gốc; hàng tháng anh T2 phải trả cho D số tiền lãi là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/ tháng, tương đương với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày và 182,5%/1 năm. Khi đưa tiền, D cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và đưa cho anh T2 số tiền là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Đến ngày 01/4/2023, anh T2 đã trả cho D 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc. Như vậy, anh T2 đã vay số tiền trên trong thời gian 02 tháng, tương ứng với số tiền lãi D sẽ thu được theo thỏa thuận là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), trong đó mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 657.534đ (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng); số tiền D nhằm thu lời bất chính là 5.342.466đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Thực tế D mới thu được của anh T2 01 tháng lãi (cắt trước) với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với số tiền vay 20.000.000đ trong vòng 01 tháng là 328.767đ (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng); số tiền lãi D đã thu vượt quá quy định của BLDS là 2.671.233đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Anh T2 còn nợ D 01 tháng tiền lãi là 3.000.000đ.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023, Đỗ Văn D đã sử dụng tổng số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) của cá nhân cho 04 khách vay gồm: các anh Nguyễn Văn Q; Nguyễn Văn S; Lê Trọng T; Trần Đình T2 với mức lãi suất đều 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm, vượt quá 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong đó: Tổng số tiền lãi Đỗ Văn

D sẽ và đã thu được theo thỏa thuận của 04 khách vay trên là 49.150.000đ (Bốn mươi chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của các khoản vay là 5.386.301đ (Năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng). Số tiền lãi D nhằm thu lợi bất chính là 43.763.699đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng). Thực tế Đỗ Văn D đã thu được của 04 người vay trên tổng số tiền lãi là 30.750.000đ (Ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của các khoản vay là 3.369.863đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng); D đã thu lợi bất chính được số tiền là 27.380.137 (Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định: Tổng số tiền nhằm thu lợi bất chính mà Đỗ Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự là 43.763.699đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

Bản Cáo trạng số 69/Ctr-VKSQX ngày 29/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Đỗ Văn D về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; Điều 35, Điều 36; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h Điều 52; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu của bị cáo số tiền gốc mà anh T2 đã trả cho bị cáo. Truy thu số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo. Truy thu số tiền lãi hợp pháp theo quy định của BLDS mà bị cáo đã thu của người vay để nộp vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà bị cáo đã thu.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận;

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Quá trình điều tra đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án xác định:

Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023, Đỗ Văn D đã sử dụng tổng số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) của cá nhân cho 04 khách vay gồm: Nguyễn Văn Q; Nguyễn Văn S; Lê Trọng T; Trần Đình T2 với mức lãi suất đều 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất 182,5%/1 năm, vượt quá 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 43.763.6994 (Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay....”.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiểm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo từng bị Toà án xét xử về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mẹ bị cáo là thanh niên xung phong được hưởng chế độ thương binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thân thân của bị cáo, HĐXX quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự để chính quyền địa phương và gia đình cùng phối hợp giám sát bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: *“Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.”* Tuy nhiên, HĐXX xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo nhằm thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về các biện pháp tư pháp: Số tiền gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) anh T2 đã trả cho bị cáo là công cụ phương tiện phạm tội và số tiền lãi hợp pháp theo quy định của BLDS mà bị cáo đã thu của người vay tuy không tính để xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của bị cáo để nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo cần buộc người vay nộp lại để sung quỹ nhà nước. Yêu cầu bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật mà bị cáo đã thu.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

Khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 35; Điều 36; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Điều 6; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Văn D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.”

*** Xử phạt:**

Bị cáo Đỗ Văn D 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời điểm tính chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Văn D cho UBND xã TTr, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo Đỗ Văn D số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- Truy thu của bị cáo tổng số tiền: 23.369.863đ (Là số tiền gốc và lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20% theo quy định của BLDS) để sung vào quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền mà bị cáo thu lời bất chính, cụ thể: Trả cho anh Nguyễn Văn Q: 13.356.164đ (mười ba triệu ba trăm năm sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng); trả cho anh Nguyễn Văn S: 5.342.466đ (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng); trả cho anh Lê Trọng T: 6.010.274đ (sáu triệu không trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng); trả cho anh Trần Đình T2: 2.671.233đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).

- Buộc anh Nguyễn Văn Q nộp 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); anh Nguyễn Văn S nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng); anh Lê Trọng T nộp 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) (là số tiền nợ gốc chưa trả cho bị cáo) để sung quỹ nhà nước.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Trại tạm giam công an T.Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Huyền

